

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT

Ngày: 04/01/2023

*V/v Yêu cầu bồi thường thiệt hại  
trong hoạt động quản lý hành chính  
theo Luật Trách nhiệm bồi thường  
của Nhà nước*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Huyền.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Đinh Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 261/2022/QĐ-PT ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**2. Bị đơn:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E; địa chỉ: Số 22 Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Phó trưởng phòng Tư pháp huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**3. Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:***

Ông Nguyễn Văn K được bầu vào Hội đồng nhân dân cấp xã và được bổ trí vị trí Ủy viên phụ trách giao thông thủy lợi kiêm Cán bộ địa chính xã C vào tháng 12 năm 1994 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã C lúc bấy giờ. Đến năm 1999, UBND huyện E ban hành Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 18/12/1999 về việc chuẩn y chức danh thành viên UBND xã C và các quyết định nâng lương thường xuyên đối với ông K. Vào các năm 1997 và 2003, UBND huyện E có cử ông K tham gia các lớp học theo chế độ công chức.

Ngày 20/5/2005 Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 1238/QĐ-UB về việc giao cho Chủ tịch UBND xã C ký hợp đồng lao động đối với công chức cấp xã chưa chuẩn hóa chuyên môn, theo đó tạm tuyển dụng ông K đảm nhiệm chức danh: Địa chính - Xây dựng tại xã C.

Theo Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 15/10/2007 của UBND huyện E về việc nâng bậc lương cho công chức Địa chính- xây dựng xã C đã chính thức công nhận ông K là công chức. Sau đó ông K tiếp tục được nâng bậc lương vào các năm 2010, 2013, 2014.

Đến ngày 04/02/2016, UBND huyện E có Quyết định số 265/QĐ-UB về việc chấm dứt tạm tuyển công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn K (viết tắt QĐ số 265). Không đồng ý với quyết định này, ông K đã khiếu nại đến UBND huyện E về việc yêu cầu hủy QĐ số 265. Khiếu nại của ông K được Chủ tịch UBND huyện E, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, năm 2018 ông K khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo yêu cầu hủy QĐ số 265 đồng thời yêu cầu công nhận ông K là công chức. Tại Bản án số 01/2018/HCST ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn K về nội dung yêu cầu hủy QĐ số 265. Tuy nhiên, bản án không giải quyết nội dung yêu cầu công nhận ông K là công chức vì không thuộc thẩm quyền.

Sau khi bản án trên có hiệu lực pháp luật, ngày 07/12/2018 UBND huyện E ban hành Thông báo số 507/TB-UBND về việc bổ trí công tác cho ông K với chức danh Địa chính- xây dựng- nông nghiệp và môi trường thuộc UBND xã C, kể từ ngày 10/12/2018 (chờ UBND tỉnh công nhận là công chức cấp xã theo quy định)

Đến ngày 22/7/2019 UBND huyện E có Quyết định số 2615/QĐ-UB về việc công nhận công chức cấp xã đối với ông K (viết tắt QĐ số 2615) kể từ ngày 01/8/2019. Sau đó UBND huyện lại ban hành Quyết định số 3669/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 về việc công nhận công chức cấp xã, thay thế QĐ số 2615.

Ông K nhận thấy, từ tháng 12/1994 đến tháng 5/2004 ông K là cán bộ công tác chính quyền ở xã, hưởng chế độ sinh hoạt phí; từ tháng 6/2004 trở đi, ông K là

Công chức cấp xã, hưởng chế độ tiền lương theo quy định.

Xét thấy, QĐ số 265 về việc cho ông K thôi việc là vi phạm quyền lợi của ông K nên ông K yêu cầu Chủ tịch UBND huyện E thực hiện việc bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với các nội dung sau:

1. Yêu cầu bồi thường: Tổng số tiền ông K yêu cầu UBND huyện E bồi thường 106.466.000 đồng. Gồm các khoản cụ thể:

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần 32 tháng lương cơ sở: 65.966.000 đồng;
- Chi phí đi lại: 3.050.000 đồng;
- Chi phí gửi đơn thư: 7.450.000 đồng;
- Chi phí thuê Luật sư: 30.000.000 đồng.

2. Về phục hồi danh dự: Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện E phục hồi danh dự cho ông K bằng hình thức: Đăng báo xin lỗi và cải chính công khai.

***Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:***

Tại thời điểm UBND huyện E ban hành QĐ số 265 chấm dứt tạm tuyển công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn K thì ông Nguyễn Văn K không phải là công chức cấp xã nên ông K không thuộc phạm vi được bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Các thiệt hại của ông Nguyễn Văn K trong thời gian nghỉ việc do UBND huyện chấm dứt tạm tuyển đối với ông Nguyễn Văn K không đúng quy định pháp luật, UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã C chi trả, thực hiện đầy đủ tiền lương và các chế độ liên quan theo quy định của pháp luật với số tiền là 224.442.828 đồng gồm các khoản:

- Tiền lương từ tháng 4/2016 đến tháng 8/2018 (29 tháng lương): 145.704.434 đồng;
- Tiền truy lĩnh lương từ tháng 9/2018 đến tháng 11/2018: 17.014.434 đồng;
- Truy đóng BHXH, BHYT: 60.824.000 đồng;
- Hỗ trợ tiền tết các năm 2020, 2021, 2022: 900.000 đồng;

Ngoài các khoản đã chi trả, UBND huyện E không đồng ý toàn bộ các nội dung theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn K.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk quyết định:***

- Căn cứ khoản 14 Điều 17; Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Căn cứ điểm f khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu UBND huyện E bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn K theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với số tiền là 106.466.000 đồng và phục hồi danh dự cho ông K bằng hình thức: đăng báo xin lỗi và cải chính công khai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/7/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy:

Ông K được bầu vào Hội đồng nhân dân cấp xã và làm việc tại UBND xã C, huyện E từ năm 1994. Đến năm 2005, UBND huyện E ban hành các Quyết định số 1238/QĐ-UB ngày 20/5/2005; số 2605/QĐ-UB ngày 14/7/2005; số 3580/QĐ-

UBND ngày 14/11/2005 tạm tuyển ông Nguyễn Văn K đảm nhiệm chức danh: Địa chính- xây dựng để chờ thi công chức khi có điều kiện. Các Quyết định trên đều giao cho Chủ tịch UBND xã C ký hợp đồng lao động với ông K là công chức cấp xã chưa chuẩn hóa bằng cấp chuyên môn.

Quá trình công tác đến trước năm 2005, ông K được hưởng chế độ sinh hoạt phí theo Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 đối với cán bộ xã, phường, thị trấn và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995. Ngoài ra, ông K còn được cử đi học các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn tại Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 06/12/1997 của UBND huyện E, Quyết định số 52/QĐ-UB ngày 28/8/2002 của UBND xã C và Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 24/01/2003 của UBND huyện E. Đến ngày 01/3/2005, ông K được Trường Trung học Tài nguyên và Môi trường Trung ương cấp Bằng tốt nghiệp Trung học chuyên nghiệp số D162513/GD-ĐT theo Quyết định số 21/QĐ-TNMTTW ngày 31/5/2005 chuyên ngành Quản lý đất đai, hệ Tại chức (BL 291). Như vậy, tính đến thời điểm này ông K đã chuẩn hóa bằng cấp chuyên môn phù hợp với vị trí đang công tác. Đáng lẽ, sau khi ông K chuẩn hóa bằng cấp chuyên môn UBND huyện E phải tuyên chuyển cán bộ từ bầu cử sang cán bộ chuyên môn trong biên chế hoặc tổ chức thi tuyển, xét tuyển để công nhận ông K là công chức cấp xã theo quy định mà lại ban hành QĐ số 265 về việc chấm dứt tạm tuyển công chức cấp xã đối với ông K làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K.

Tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn có nêu *“Tiêu chuẩn của công chức Địa chính – Xây dựng cấp xã: Học vấn: Tốt nghiệp THPT đối với khu vực đồng bằng và đô thị, tốt nghiệp THCS trở lên đối với khu vực miền núi; Chuyên môn nghiệp vụ: Với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn địa chính hoặc xây dựng...”* thì ông K đáp ứng đầy đủ các điều kiện trên để đảm nhiệm vị trí công chức Địa chính – Xây dựng.

Công văn số 5017/BNV ngày 09/10/2018 của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng cấp xã (BL 67) cũng xác định: *“Việc tuyển dụng công chức thông qua hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được thực hiện từ thời điểm Nghị định 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn có hiệu lực thi hành. Như vậy, các trường hợp được cấp có thẩm quyền bố trí làm việc ở cấp xã không qua tuyển dụng công chức cấp xã trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành là phù hợp với quy định”*. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 2329/UBND-TH ngày 26/3/2019 (BL 68-69) chỉ đạo Chủ tịch UBND các huyện, trong đó có Chủ tịch UBND huyện E thành lập

Hội đồng xét hồ sơ để công nhận công chức cấp xã đối với các trường hợp như của ông K nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã trước năm 2003. Do đó, ngày 12/6/2019, Hội đồng xét duyệt hồ sơ UBND huyện E tiến hành xét công nhận công chức cấp xã cho ông K.

Tại Quyết định số 2615/QĐ-UB, ngày 22/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện E công nhận ông Nguyễn Văn K là công chức cấp xã, kể từ ngày 01/8/2019 (BL 65), Tuy nhiên, ngày 22/11/2019 Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 3669/QĐ-UBND, công nhận ông Nguyễn Văn K là công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường thuộc UBND xã C nhưng lại không xác định cụ thể được công nhận từ thời gian nào (BL 66).

Như vậy, từ thời điểm ông K chuẩn hóa bằng cấp chuyên môn, đáng lẽ UBND huyện E phải tổ chức thi tuyển, xét tuyển hoặc làm thủ tục để công nhận công chức cấp xã cho ông K. Việc chậm triển khai thực hiện là lỗi của UBND huyện E, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K. Xét, Quyết định số 3669/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND huyện E về việc công nhận công chức cấp xã đối với ông K không xác định thời điểm có hiệu lực của Quyết định cũng như mốc thời gian ông K được công nhận công chức cấp xã nên ý kiến của UBND huyện E cho rằng ông K được cấp có thẩm quyền công nhận là công chức kể từ ngày 22/11/2019 là không có căn cứ, mà cần phải xác định ông K được công nhận là công chức cấp xã từ ngay sau khi ông K đã chuẩn hóa bằng cấp chuyên môn phù hợp với vị trí đang công tác (ngày 31/5/2005), ông K ông cho rằng khi UBND huyện E ban hành Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 15/10/2007 về việc nâng bậc lương cho công chức Địa chính- xây dựng xã C (BL 287) nên từ thời gian này ông K là công chức cấp xã là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn K thấy rằng:

Ngày 04/02/2016, Chủ tịch UBND huyện E ban hành QĐ số 265 về việc chấm dứt tạm tuyển công chức cấp xã chức danh Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã C đối với ông K. Không đồng ý với Quyết định trên, ông K khởi kiện và được giải quyết tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã tuyên hủy Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 04/02/2016. Bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị. Sau đó ông K được bố trí lại công tác tại UBND xã C vị trí chức danh công chức Địa chính- xây dựng- nông nghiệp kể từ ngày 10/12/2018 (BL 178).

Như đã phân tích tại mục [2.1], ông K phải được công nhận là công chức từ năm 2007, QĐ số 265/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Chủ tịch UBND huyện E về việc chấm dứt tạm tuyển công chức cấp xã chức danh Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã C đối với ông K là trái pháp luật Tòa án đã tuyên hủy,

UBND huyện E cũng đã thừa nhận sai sót và thực hiện thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ liên quan theo quy định của pháp luật về cán bộ công chức cho ông K trong thời gian nghỉ việc do chấm dứt tạm tuyển không đúng.

Trước khi khởi kiện vụ án dân sự vào ngày 02/8/2021, ông K đã làm đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tại Công văn số 301/UBND-TP ngày 19/02/2020 của UBND huyện E (BL 33) xác định tại thời điểm ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 ông K chưa phải là công chức nên không được bồi thường. Ông K khiếu nại Công văn trên thì được giải quyết tại Quyết định 1421/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông K (BL 35-36). Ông K tiếp tục làm đơn yêu cầu bồi thường được UBND huyện E trả lời tại Thông báo số 339/TB-UBND ngày 26/7/2021. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông K là phù hợp quy định tại Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Tuy nhiên quan hệ pháp luật tranh chấp cần xác định cụ thể là *“Yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”*.

Đối chiếu quy định tại khoản 14 Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính thì việc Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 được xem là *“ra quyết định xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống”* nên Chủ tịch UBND huyện E phải có trách nhiệm bồi thường cho ông K các thiệt hại thực tế phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án ông K yêu cầu bồi thường: 106.466.000 đồng. Cụ thể:

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần: 32 tháng lương với số tiền là 65.966.000 đồng;
- Chi phí đi lại: 3.050.000 đồng;
- Chi phí gửi đơn thư: 7.450.000 đồng;
- Chi phí thuê Luật sư: 30.000.000 đồng.

Xét các khoản bồi thường ông K đưa ra là chưa phù hợp với quy định tại các Điều 22; 24; 27 và 28 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên HĐXX cần tính lại như sau:

***\* Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần:***

Theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 27 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì:

*“6. Thiệt hại về tinh thần trong trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật được xác định là 01 ngày lương cơ sở cho 01 ngày bị buộc thôi việc trái pháp luật.*

*7. Ngày lương cơ sở được xác định là 01 tháng lương cơ sở chia cho 22 ngày.”*

Ông K bị chấm dứt buộc thôi việc từ tháng 4/2016 đến tháng 11/2018 là 32 tháng x 22 ngày = 704 ngày. Như vậy thiệt hại về tinh thần đối với ông K là 704 ngày x 1.490.000 đồng/22 ngày = 47.680.000 đồng.

***\* Về chi phí đi lại:***

Theo bảng kê của ông K và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện trong thời gian bị cho thôi việc bởi Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 04/02/2016, ông K phải gửi đơn thư khiếu nại đến UBND huyện E, UBND tỉnh Đắk Lắk và khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo. Tuy ông K không cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ chi tiết nhưng đây là chi phí thực tế, số tiền yêu cầu 3.050.000 đồng của ông K là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên cần chấp nhận.

***\* Về chi phí gửi đơn thư:***

Ông K yêu cầu bồi thường 7.450.000 đồng nhưng không cung cấp được hóa đơn, biên lai thu cước phí bưu chính nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước *“chi phí được bồi thường không quá 01 tháng lương cơ sở tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này cho 01 năm tính từ thời điểm bắt đầu khiếu nại hoặc tố cáo hoặc tham gia tố tụng cho đến ngày có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền”*, HĐXX tính lại như sau: Thời gian ông K bị buộc thôi việc là 32 tháng x 1.490.000 đồng/ năm = 3.973.000 đồng.

***\* Chi phí thuê Luật sư:***

Quá trình khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, ông K thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, theo hợp đồng dịch vụ pháp lý ông K cung cấp (BL 147-148) thì chi phí hết 30.000.000 đồng. Tuy nhiên giá trị hợp đồng này là cao so với mức thù lao do Chính phủ quy định đối với Luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 12/12/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho Luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Theo ông K, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông đã cùng ông tham gia tố tụng tại Tòa án 04 ngày làm việc là: 10/4/2018, 24/4/2018, 07/8/2018, 07/9/2018, ngoài ra Luật sư nghiên cứu hồ sơ bao nhiêu ngày thì ông K không biết được. Do đó HĐXX chỉ tính thù lao của Luật sư tham gia là 04 ngày x 0,4 x 1.490.000 đồng = 2.384.000 đồng.



Như vậy, tổng số tiền ông K được chấp nhận là 47.680.000 đồng + 3.050.000 đồng + 3.973.000 đồng + 2.384.000 đồng = 57.087.000 đồng.

Xét yêu cầu của ông K về việc buộc Chủ tịch UBND huyện E phải phục hồi danh dự cho K bằng hình thức đăng báo xin lỗi và cải chính công khai. HĐXX thấy, yêu cầu này là phù hợp với quy định tại Điều 31 và khoản 2 Điều 56 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 14 Điều 17; các Điều 22; 25; 27; 28; 31; 52; 56; 59 và khoản 1 Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K:

- Buộc bị đơn Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn K tổng số tiền 57.087.000 đồng (năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải phục hồi danh dự cho ông Nguyễn Văn K bằng hình thức đăng báo xin lỗi và cải chính công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

**2.** Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc buộc Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường số tiền 49.379.000đồng (bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- CCTHADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thanh Huyền**